

# VỀ CÁC ĐIỂM TỤ KÊNH CỔ VÙNG TỨ GIÁC LONG XUYÊN

NGUYỄN QUANG BẮC\*, NGUYỄN HỮU TUẤN\*\*,  
NGUYỄN QUANG MIÊN, TRẦN NĂNG CHUNG\*\*\*, NGUYỄN QUANG DŨNG\*\*\*\*

## 1. Đặt vấn đề

Tứ giác Long Xuyên là vùng đất trũng của đồng bằng sông Cửu Long, với một hệ thống kênh đào dọc ngang chằng chịt, phát triển chủ yếu trong vòng 100 năm trở lại đây, nhằm mục đích chính là cấp thoát nước phục vụ phát triển nông nghiệp và giao thông thủy. Đi đường bộ, đường thủy hay từ trên cao nhìn xuống, chúng ta dễ dàng nhận thấy có những nơi nhiều kênh giao nhau (giao lộ) hoặc nhiều kênh tụ về (tỏa ra). Có thể gọi đó là các điểm tụ kênh hay điểm tụ kênh hình sao. Tại khu vực có các điểm tụ kênh hay điểm tụ kênh hình sao này, dân cư thường tập trung sinh sống đông đúc, giao thương tấp nập.

Lịch sử kênh đào vùng châu thổ này còn lâu dài hơn thế. Khảo cổ học đã tìm ra dấu vết của một mạng lưới kênh với điểm tụ kênh cổ cách ngày nay gần 2.000 năm. Trong Tập 1 và Phụ lục Tập 1 của bộ sách *Khảo cổ học châu thổ sông Mêkông* (L'Archéologie du Delta du Mékong) xuất bản năm 1959, Louis Malleret đã mô tả về hệ thống kênh cổ ở vùng đồng bằng sông Mêkông, đặc biệt là vùng Óc Eo - Ba Thê. Kế thừa các phát hiện về hệ thống kênh đào cổ được công bố năm 1931 của Pierre Paris, từ tháng 4 năm 1946, ông đã tổ chức nhiều chuyến bay để thám sát và chụp ảnh trên không, lập bản đồ các kênh đào cổ với 28 kênh (vạch liền màu đỏ có đánh số) cùng 45 đường nước nghi là kênh đào cổ (vạch rời màu đỏ không đánh số) (Malleret 1959a: 3, 75-88; 1959b: Pl. XII, XIII, XIV). Những kết quả nghiên cứu mới đây của chúng tôi đã phát hiện và xác định thêm nhiều kênh cổ ở khu vực này không có trong tài liệu của Louis Malleret; cũng đúng như phỏng đoán của một số nhà nghiên cứu nước ngoài trước đây là trên thực tế mật độ kênh cổ dày hơn (Bourdonneau 2003: 261).

Louis Malleret không đề cập trực tiếp đến các điểm tụ kênh, nhưng trên các bản đồ kênh có thể thấy những điểm kênh giao nhau (tụ vào - tỏa ra) kiểu “chân ngỗng”, và ông có nhắc đến di tích số 107 (Đá Nôi, Kiên Giang) có thể là “giao điểm của các thủy đạo” ở “Đồng bằng Xà Nô”. Khi đó, chắc chắn Louis Malleret phải biết đến bức ảnh điểm tụ kênh Thốt Nốt của Bernard Philip Groslier chụp 1950, mà bức ảnh sau này trở nên khá nổi tiếng vì được nhiều học giả sử dụng<sup>1</sup>. Louis Malleret chính là người đã giao nhiệm vụ cho cộng tác viên B.P. Groslier thực hiện các cuộc

\*\* Viện Khoa học Công nghệ Vinasa

\*\* Viện Công nghệ thông tin

\*\*\* Viện Khảo cổ học

\*\*\*\* Viện Địa lý tài nguyên thành phố Hồ Chí Minh

khảo sát trên không, để thiết lập một bản đồ chung của Viện Viễn Đông Bác cổ (Pháp) về mạng lưới thủy hệ cổ của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

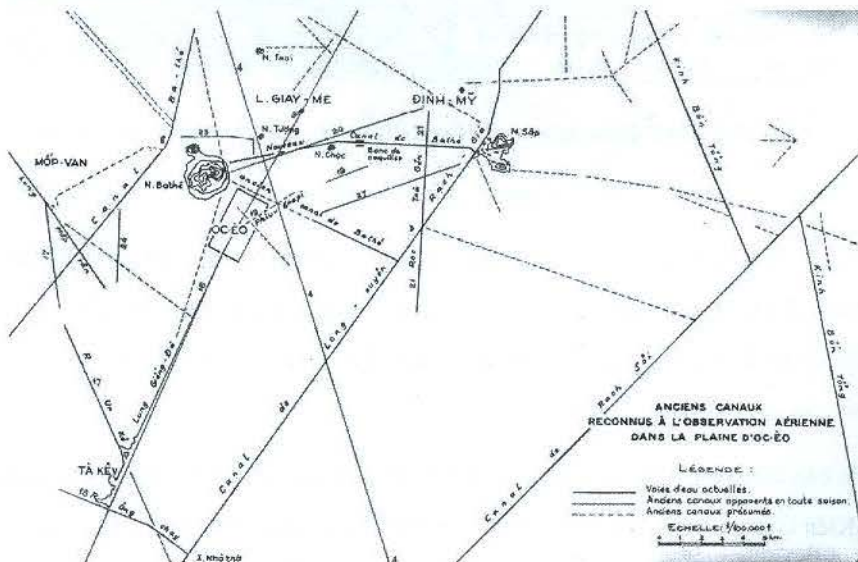
Nhà khảo cổ người Pháp Eric Bourdonneau, một trong những người tham gia *Dự án Khảo cổ đồng bằng sông Cửu Long (1997-2002)* hợp tác giữa Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ) và Viện Viễn Đông Bác cổ (Pháp), đã có những công trình nghiên cứu chuyên về hệ thống thủy hệ cổ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong báo cáo tại Hội nghị quốc tế lần thứ 19 của Hội Tiền sử Ấn Độ - Thái Bình Dương IPPA 2009 tại Hà Nội, Eric Bourdonneau có nói về giao lộ kênh Thốt Nốt (Cần Thơ) và nhận định tầm quan trọng đặc biệt của nó: *Dường như là để tổ chức toàn bộ hệ thống thủy lực của cả vùng* (Bourdonneau 2009: 18).

Bài viết này trình bày về 5 điểm tụ kênh cổ tiêu biểu nhất ở vùng Tứ giác Long Xuyên (An Giang, Kiên Giang và Cần Thơ). Các kết quả là một phần nội dung của báo cáo (Nguyễn Quang Bắc và nnk 2019: 274 - 322) trình bày tại Hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đồng tổ chức tại thành phố Long Xuyên (ngày 22/11/2019) có bổ sung một số tư liệu mới.

## 2. Những điểm tụ kênh vùng Tứ giác Long Xuyên

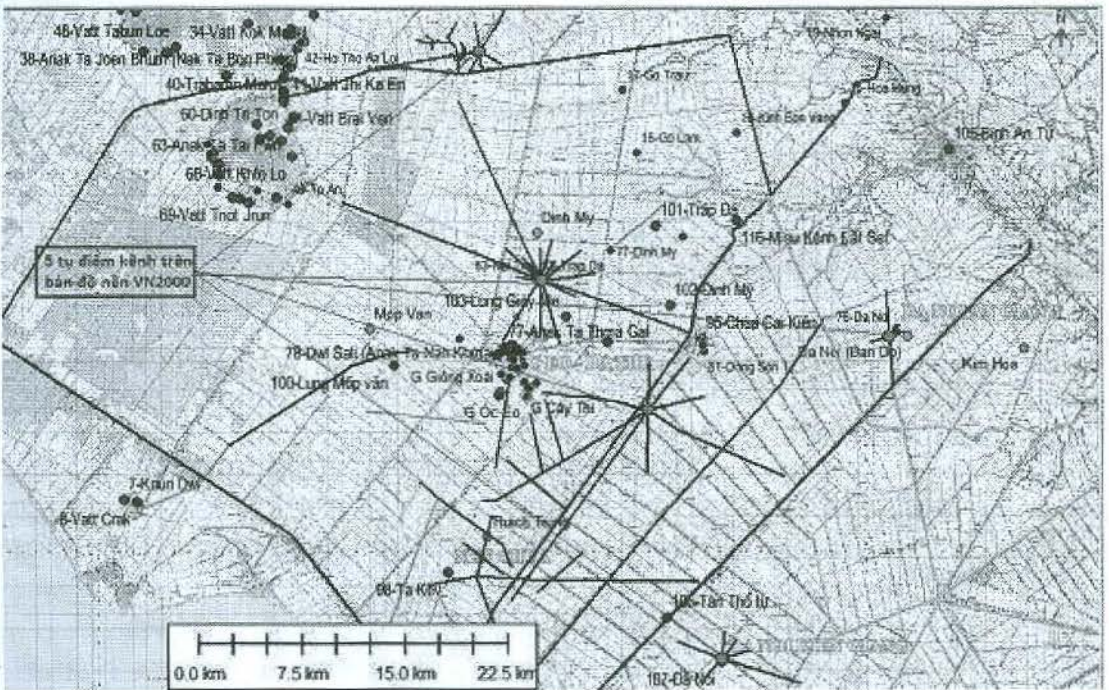
### 2.1. Bản đồ phân bố các kênh cổ

Trong Phụ lục Tập 1 của bộ sách *Khảo cổ học châu thổ sông Mêkông - “L’Archéologie du Delta du Mékong”* có 1 bản đồ tỷ lệ 1/400.000 và 3 bản đồ tỷ lệ 1/100.000 vẽ hệ thống kênh cổ và đường nước nghi là kênh cổ khu vực Angkor Borei (Campuchia) và Tây Nam Bộ Việt Nam do Pierre Paris và Louis Malleret phát hiện. Xem bản đồ kênh cổ khu vực Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa, có thể thấy một số địa điểm có nhiều kênh tụ về (hay tỏa ra) (*Hình 1*).



**Hình 1. Hệ thống kênh cổ Óc Eo trên bản đồ Đông Dương (Pháp) tỷ lệ 1/100.000**  
(Nguồn: Malleret 1959b: Pl. XIII)

Trong quá trình thực hiện đề tài “Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ công tác nghiên cứu khảo cổ học ở miền Tây Nam Bộ (trọng điểm là văn hóa Óc Eo)” thuộc Chương trình nghiên cứu độc lập cấp quốc gia về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2016 - 2020, qua xử lý nguồn tư liệu viễn thám (ảnh hàng không năm 1928, 1953, ảnh vệ tinh VNREDSat-1, Landsat-8...), bản đồ, GIS và điền dã chúng tôi đã xác định lại vị trí hệ thống kênh cổ và đường nước nghi là kênh cổ do Pierre Paris, Louis Malleret phát hiện, đồng thời xác định thêm nhiều tuyến kênh có thể là kênh cổ và một số điểm tụ kênh thời kỳ văn hóa Óc Eo. Dưới đây là một số kênh cổ và 5 điểm tụ kênh tiêu biểu vùng Tứ giác Long Xuyên (Hình 2).

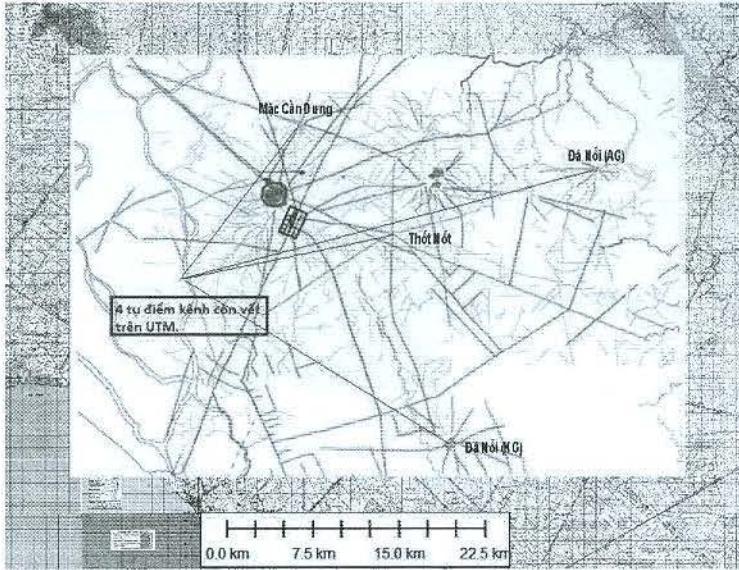


Hình 2. Vị trí 5 điểm tụ kênh cổ Óc Eo trên bản đồ VN-2000 tỷ lệ 1/50.000

(Nguồn: Nhóm tác giả)

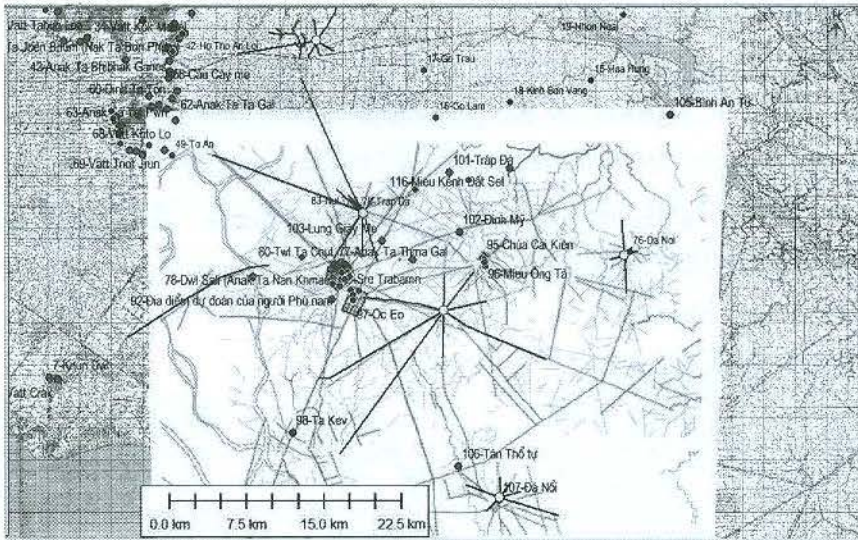
Tuy nghiên cứu hoàn toàn độc lập (do không có tài liệu trước), nhưng kết quả nghiên cứu hệ thống kênh cổ Óc Eo của chúng tôi khi so sánh với kết quả nghiên cứu thủy hệ cổ của Eric Bourdonneau có sự tương đồng cao (có lẽ do cả hai đều lấy bản đồ UTM của Mỹ năm 1965 tỷ lệ 1/50.000 làm căn cứ).

Trên bản đồ mạng lưới thủy hệ cổ của Eric Bourdonneau, có thể nhận thấy 4 điểm tụ kênh là Đá Nổi (Kiên Giang), Thốt Nốt (Cần Thơ), Đá Nổi (An Giang), Núi Trọi (An Giang). Tuy nhiên, Eric Bourdonneau chỉ nói đến “giao lộ” - điểm tụ kênh Thốt Nốt (Hình 3).



Hình 3. Mạng lưới thủy hệ cổ của E. Bourdonneau với 4 điểm tụ kênh còn vết trên bản đồ UTM Mỹ  
(Nguồn: Bourdonneau 2009: 11)

Khi đặt chồng bản đồ mạng lưới thủy hệ cổ của Eric Bourdonneau lên trên bản đồ khảo cổ học Óc Eo do chúng tôi lập, thấy rõ tính tương đồng cao, đặc biệt là các điểm tụ kênh (Hình 4).

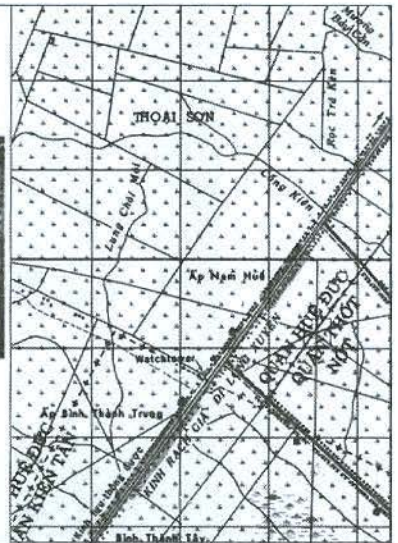
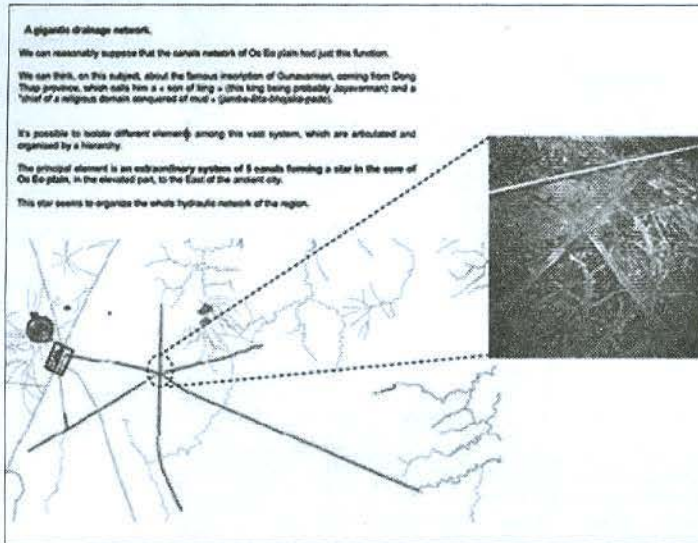


Hình 4. So sánh sự tương đồng của các điểm tụ kênh trên bản đồ của E. Bourdonneau với kết quả nghiên cứu khảo cổ học Óc Eo của chúng tôi trên nền bản đồ UTM Mỹ tỷ lệ 1/50.000 (điểm đỏ là di tích của L. Malleret, điểm xanh là di tích phát hiện sau năm 1975, điểm vàng là điểm tụ kênh)  
(Nguồn: Nhóm tác giả)

### 2.2. Điểm tụ kênh Thốt Nốt (Cần Thơ)

Địa điểm có tọa độ WGS-84: 10°13'03.1518"N - 105°14'18.0923"E.

Điểm tụ kênh Thốt Nốt nay thuộc địa phận xã Thạnh Thắng, huyện Thốt Nốt. Bernard Philip Groslier cộng tác viên người Pháp của Louis Malleret là người đã phát hiện và chụp ảnh từ trên máy bay điểm tụ kênh này và công bố ảnh chụp vào năm 1950 (Hình 5, 6b).



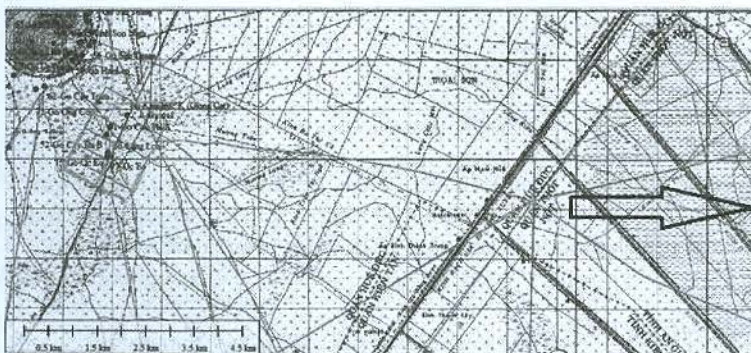
**Hình 5a.** Slide của E. Bourdonneau về giao lộ kênh Thốt Nốt

**Hình 5b.** Giao lộ trên bản đồ UTM tỷ lệ 1: 50.000 năm 1965

(Nguồn: Eric Bourdonneau)

Eric Bourdonneau là người đầu tiên nhận thấy vai trò quan trọng của điểm tụ (giao lộ) kênh Thốt Nốt trong mạng lưới nước cổ ở đồng bằng sông Cửu Long: *Bộ phận chính là một hệ thống phi thường gồm 5 tuyến kênh tạo thành một ngôi sao ở lõi của đồng bằng Óc Eo, ở phần trên cao, về phía đông của đô thị cổ. Ngôi sao này dường như là để tổ chức toàn bộ hệ thống thủy lực của cả vùng* (Bourdonneau 2009: 17) (Hình 5a).

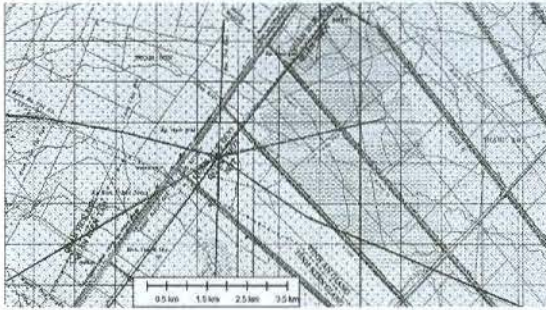
Trên bản đồ UTM của Mỹ năm 1965 tỷ lệ 1/50.000 còn dấu vết 6 nhánh kênh tỏa ra từ điểm tụ kênh Thốt Nốt (Hình 5b, 6a). Tuy nhiên, trên ảnh vệ tinh Landsat năm 2007 và bản đồ VN-2000 ngày nay gần như không thấy dấu vết của các kênh này. Dưới đây là vị trí điểm tụ kênh (TK) Thốt Nốt trên bản đồ UTM và ảnh vệ tinh (Hình 6a, 6b, 7a, 7b).



**Hình 6a.** Vị trí điểm TK Thốt Nốt trên bản đồ UTM Mỹ 1965 (góc trên bên trái là núi Ba Thê và đô thị cổ Óc Eo

**Hình 6b.** Ảnh điểm TK Thốt Nốt Bernard Philip Groslier chụp 1950

(Nguồn: Nhóm tác giả)



**Hình 7a.** Vị trí điểm tụ kênh Thốt Nốt trên bản đồ UTM Mỹ năm 1965

**Hình 7b.** Điểm tụ kênh Thốt Nốt trên ảnh vệ tinh Landsat năm 2007

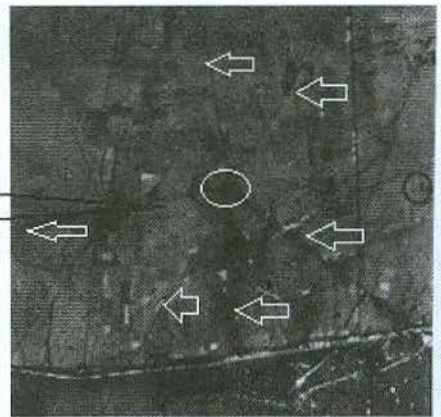
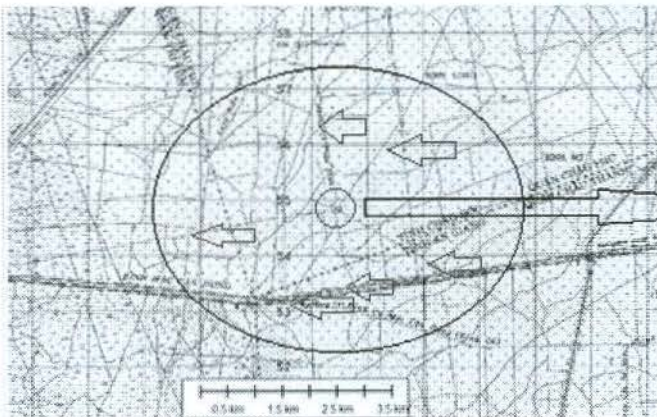
(Nguồn: Nhóm tác giả)

**2.3. Điểm tụ kênh Mặc Cần Dung (An Giang)**

Tọa độ WGS-84: 10°26'58,6700"N - 105°07'42,0089"E.

Điểm tụ kênh Mặc Cần Dung thuộc địa phận ấp Bình Tây xã Bình Phú, huyện Châu Phú. Còn thấy dấu vết khá rõ của các con kênh tỏa ra từ điểm tụ kênh này trên ảnh máy bay Pháp chụp năm 1953 và bản đồ UTM của Mỹ năm 1965 tỷ lệ 1/50.000; nhưng trên bản đồ VN-2000 và ở thực địa hầu như không còn dấu vết gì ngoài một rãnh nước rất hẹp (Hình 8a, 8b, 9a, 9b, 10, 11, 12a, 12b).

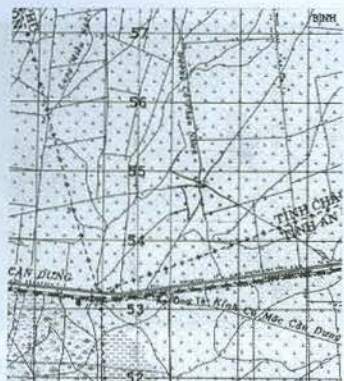
Trên bản đồ VN-2000, đúng ở vị trí của điểm tụ kênh Mặc Cần Dung khi xưa là Đền Đá Nổi. Sáng ngày 16/5/2018, khi đi tìm kênh 11 (kênh Mặc Cần Dung), chúng tôi vào khu vực Dinh Quán cơ Trần Văn Thành (thời Nguyễn) ở ấp Bình Tây, xã Bình Phú, huyện Châu Phú, An Giang; ở đây trên bản đồ VN-2000 ghi là Đền Đá Nổi. Tại đây, chúng tôi phỏng vấn (có ghi hình) ông Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1969); được biết, khi xưa khu vực này là rừng có một gò cao, về phía đông bắc khoảng 200m có hòn Đá Nổi. Gò này khi xưa không ai ở nổi, trồng trọt không được, đào gò thấy vỏ bát cổ...; đào ao thấy nhiều cột gỗ rất tốt, nặng, màu đen có lỗ đục, có cột chu vi phải bốn gang tay.



**Hình 8a.** Vị trí điểm TK Mặc Cần Dung trên bản đồ UTM Mỹ 1965

**Hình 8b.** Ảnh điểm TK Mặc Cần Dung máy bay Pháp chụp năm 1953

(Nguồn: Nhóm tác giả)



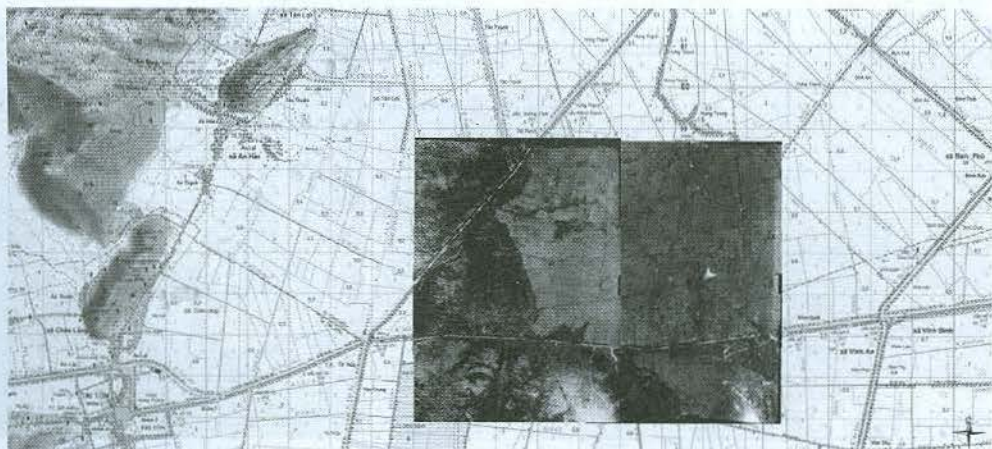
Hình 9a. Điểm tụ kênh Mạc Cần Dung theo bản đồ UTM Mỹ năm 1965



Hình 9b. Vị trí ĐTK Mạc Cần Dung trên bản đồ VN-2000 ghi là Đền Đá Nổi

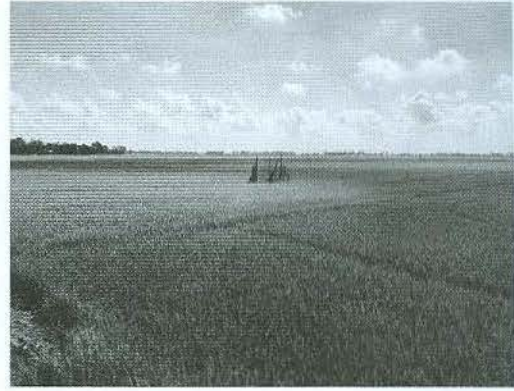


Hình 10. Các kênh 4, 11 (Mạc Cần Dung), 13 chảy gần Đền Đá Nổi



Hình 11. Vị trí điểm tụ kênh Mạc Cần Dung (mũi tên vàng) trên ảnh máy bay Pháp 1953, đặt chồng lên trên bản đồ VN-2000 2,5D (có DEM ở dưới)

(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 12a. Cảnh quan cánh đồng lúa nước ở phía trước Đền Đá Nổi (Dinh Quân Cơ)

Hình 12b. Cảnh quan cánh đồng lúa nước ở phía sau Đền Đá Nổi (Dinh Quân Cơ)

(Nguồn: Nhóm tác giả)

#### 2.4. Điểm tụ kênh Đá Nổi (Kiên Giang)

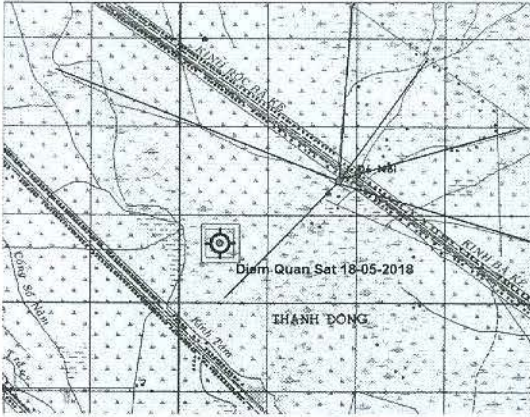
Tọa độ WGS-84: 10<sup>0</sup>03'23.896"N - 105<sup>0</sup>17'11.1269"E.

Điểm tụ kênh Đá Nổi được Louis Malleret đánh số là di tích số 107, nay thuộc địa phận xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp. Trong Tập I của bộ sách *Khảo cổ học châu thổ sông Mêkong*. Ông đã dành hẳn 6 trang (bản tiếng Pháp: 126 - 131) để viết về di tích 107 Đá Nổi. Những năm 1944 - 1946, Louis Malleret đã khảo sát tại thực địa và quan sát từ trên máy bay một khu vực rộng có 6 gò đá, ở “một vùng lầy lội đầy những đầm trũng”. Ông đã thấy và sưu tầm được nhiều di vật văn hóa Óc Eo như một số tượng gỗ, tượng sa thạch, 7 mảnh tượng đá, pesani, một cái đĩa làm từ mảnh thiếc, nhiều mảnh gốm... Đánh giá về tầm quan trọng của di tích này, Louis Malleret viết: “*Ngay từ năm 1946, bay trên di tích, chúng tôi đã xác định tầm quan trọng khảo cổ học của nó. Khi bay thấp, chúng tôi nhìn rõ không chỉ về cách bố cục đặc biệt của các gò đá ở các điểm 1 và 2, mà còn nhận thấy bề mặt được chia thành từng vùng tương ứng với một đô thị rộng rãi. Ngoài ra, ta nhận thấy những điểm kênh cổ giao nhau, nó cho thấy đó là những đầu nút của các đường nước. Trong các di tích mà chúng tôi quan sát, chắc chắn đây là nơi quan trọng nhất sau các di tích Óc Eo và Trăm Phố... Hình như di tích này là giao điểm của các thủy đạo. Ta nhận thấy rõ nét một chân ngỗng tương ứng những kênh đào tỏa tia như ngôi sao*”. (Malleret 1959a: 126-131). Trên bản đồ Đông Dương tỷ lệ 1/100.000, Louis Malleret vẽ rất rõ các kênh tỏa ra như ngôi sao (Malleret 1959b: Pl.XIV) (Hình 13).

Sau năm 1975, điểm tụ kênh này cũng đã được các nhà khảo cổ học Việt Nam khảo sát và mô tả: “... Di chỉ này nằm ở điểm tụ của nhiều đường nước cổ tỏa ra chung quanh theo hình nan hoa”, “*Khu Đá Nổi: Di chỉ Đá Nổi là điểm tụ của 11 đường nước cổ tạo thành một hệ thống hình nan hoa. Rộc Cửa Gà ở phía tây Đá Nổi và kinh Rạch Sỏi, dài khoảng 9km. Rộc Trời Sanh ở phía tây là đoạn cuối của đường nước cổ dài nhất hơn 80km nối liền Angkor Borei với Đá Nổi. Về phía đông đã ghi nhận được 1 đường nước chạy song song cách Rộc Trời Sanh 10km, với những dấu vết mờ nhạt nhận thấy được trên chiều dài 8km. 4/ Khu Giếng Đá: Gồm Rạch Cây Chanh chạy song song với via sò điệp ở phía nam, chạy theo hướng tây bắc - đông nam, thẳng góc với kinh Chung Bàu ở phía tây, dài khoảng 6km; và một đường nước chạy theo hướng đông bắc - tây nam thẳng góc với Rạch Cây Chanh, với những dấu vết mờ nhạt ghi nhận được trên chiều dài khoảng 3km*” (Dương Văn Truyen, Võ Sĩ Khải 1984: 179, 181).







**Hình 15a.** Vị trí Điểm Quan Sát 18/5/2018 và khu gò đá số 1 Đá Nổi trên bản đồ UTM Mỹ 1965 (Điểm tụ các kênh bên trái còn dấu)



**Hình 15b.** Vị trí Điểm Quan Sát 18/5/2018 và khu gò đá số 1 Đá Nổi trên ảnh vệ tinh Landsat Mỹ 2007 (Mất dấu điểm tụ các kênh bên trái)

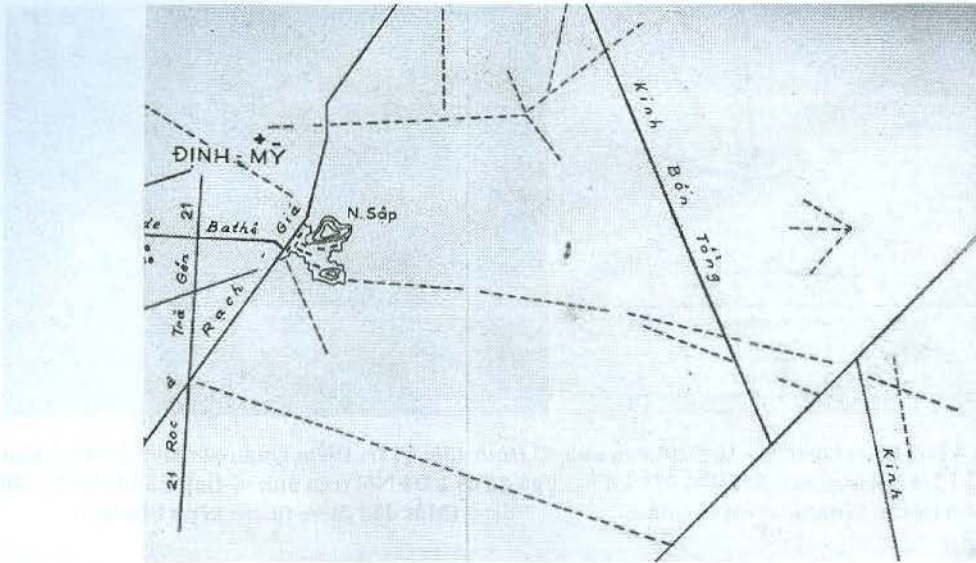


**Hình 16.** Từ Điểm Quan Sát ngày 18/5/2018 nhìn về phía tây bắc nơi có điểm tụ 4 kênh cổ (Nguồn: Nhóm tác giả)

### 2.5. Điểm tụ kênh Đá Nổi (An Giang)

Tọa độ WGS-84: 10°15'54.2661"N - 105°23'43.8574"E.

Di tích Đá Nổi nằm giữa cánh đồng thấp có tên gọi là Cánh đồng Đá Nổi, thuộc ấp Hòa Tây B, xã Phú Hòa (Thoại Sơn), cách thành phố Long Xuyên khoảng 7km; phân bố trên một diện tích rộng 1500m theo hướng đông tây và 1000m theo hướng bắc nam. Trong sách, Louis Malleret không nhắc đến di tích này, nhưng trong một bản đồ tỷ lệ 1/100.000 ông có vẽ tại vị trí đó 3 đường nước hình “chân ngỗng” (Malleret 1959b: Pl. XIII) (Hình 17).

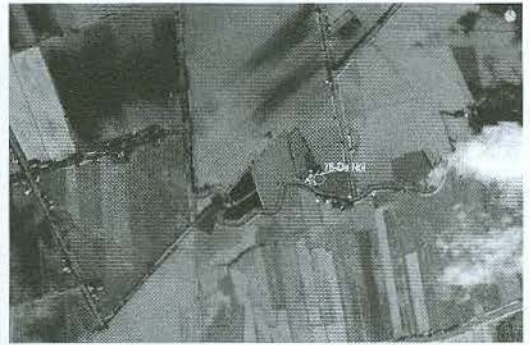


**Hình 17. Điểm tụ kênh Đá Nổi trên bản đồ của L. Malleret  
(Hình chân ngỗng phía bên phải kênh Bốn Tổng)**

Trên bản đồ UTM của Mỹ năm 1965 tỷ lệ 1/50.000 còn dấu vết của các con kênh tỏa ra từ điểm tụ kênh này, nhưng trên ảnh vệ tinh ngày nay thì không còn vết (Hình 18a, 18b).



**Hình 18a. Vị trí điểm tụ kênh Đá Nổi (An Giang)  
trên bản đồ UTM Mỹ 1965**



**Hình 18b. Vị trí điểm tụ kênh Đá Nổi  
(An Giang) trên ảnh vệ tinh Landsat năm 2007**

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Sau năm 1975, điểm tụ kênh này cũng đã được các nhà khảo cổ học Việt Nam khảo sát và mô tả: "...Về phía nam của khu trung tâm di tích là một vùng trũng mọc đầy cỏ lác, lau sậy; về phía tây, bắc và đông có dấu vết của nhiều đường nước cổ. Trong đó, đường nước về mạn đông vào những tháng khô vẫn còn nước. Tại đây, dân sở tại cho biết có tìm thấy dấu vết thuyền bè chum trong lòng lung cổ. Di tích được phát hiện vào năm 1984, sau khi những người tìm vàng đã đến đây đào bới trên diện tích rộng hàng chục hecta. Đến tháng 2 năm 1985, một cuộc điều tra "cấp thời" đã được tiến hành tại di tích trước cảnh tượng những người tìm vàng đang đào đãi khắp nơi. Kết quả cuộc điều tra đã xác định trong di tích này có hai loại hình di chỉ quan trọng: di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng" (Lê Xuân Diệm và cộng sự 1995: 30-32).

Chiều ngày 18/5/2018, chúng tôi đến Miếu Đá Nổi, qua khu đền thờ mới được quy hoạch, nhiều bầu nước lớn vừa mới được đào xung quanh. Một số hòn đá to được gom lên bờ đê trên khu vườn của miếu. Chúng tôi đi vòng qua những ao mới đào để ra cánh đồng xác định cụm kênh cổ (Hình 19).



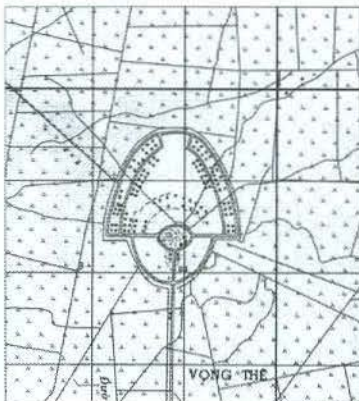
**Hình 19.** Từ bờ kênh mới nhìn ra khu vực di tích Đá Nổi (An Giang)

Đọc đường đi, trên các bờ ao lớn thấy một số đồng gạch cổ được gom lại và nằm rải rác dọc đường rất nhiều mảnh gốm cổ. Đoàn thu lượm được một số mảnh gốm của vò, bình, bếp lò (cà ràng)... Chắc chắn khi xưa ở đây có công trình kiến trúc, khu cư trú hoặc mộ táng. Đoàn đã xác định được trên thực địa khu vực bốn kênh cổ chụm vào một kênh chảy vào khu Đá Nổi.

**2.6. Điểm tụ kênh Núi Trọi**

Tọa độ WGS-84: 10<sup>o</sup>18'04,0331"N - 105<sup>o</sup>10'09,2556"E.

Núi Trọi (còn gọi là Núi Chọi), thuộc xã An Bình, huyện Thoại Sơn, An Giang, là một trong năm ngọn núi thuộc cụm núi Ba Thê thuộc huyện Thoại Sơn (Núi Ba Thê, núi Nhỏ, Núi Tượng, Núi Chóc và Núi Trọi). Núi Ba Thê lớn nhất với độ cao 221m thuộc thị trấn Óc Eo huyện Thoại Sơn (An Giang), cách trung tâm thành phố Long Xuyên khoảng 40km theo tỉnh lộ 943. Núi Trọi là một quả núi đá cao 28m, có diện tích khoảng 2.000m<sup>2</sup> (dài 230m, chỗ rộng nhất 110m), cách Núi Ba Thê về phía đông bắc 6km, cách Núi Cô Tô (thuộc Bảy Núi) về phía đông nam 18km, cách Núi Sập về phía tây bắc 12km, cách Núi Tượng 4km về phía nam. (Hình 20a, 20b, 21a, 21b, 21c, 21d).

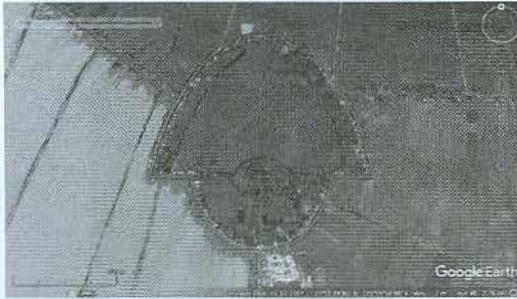


**Hình 20a.** Núi Trọi trên bản đồ UTM năm 1965, Tỷ lệ 1:50.000

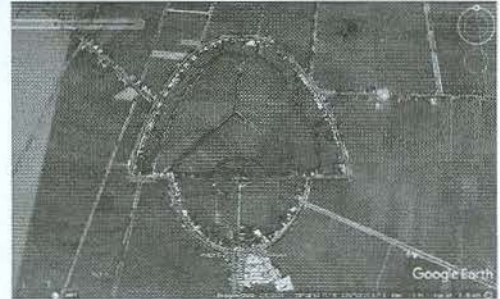


**Hình 20b.** Toàn cảnh Núi Trọi nhìn từ trên cao (ảnh chụp từ drone)

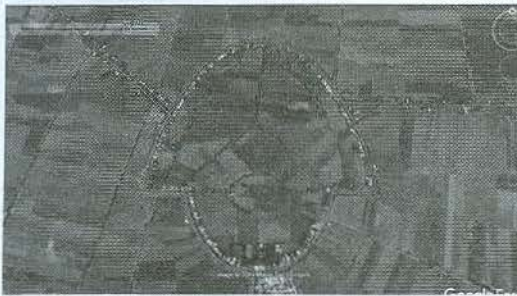
(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 21a. Ảnh vệ tinh Núi Trọi Landsat 2007



Hình 21b. Ảnh vệ tinh Núi Trọi Landsat 2011



Hình 21c. Ảnh vệ tinh Núi Trọi Landsat 2015



Hình 21d. Ảnh vệ tinh Núi Trọi Landsat 2018

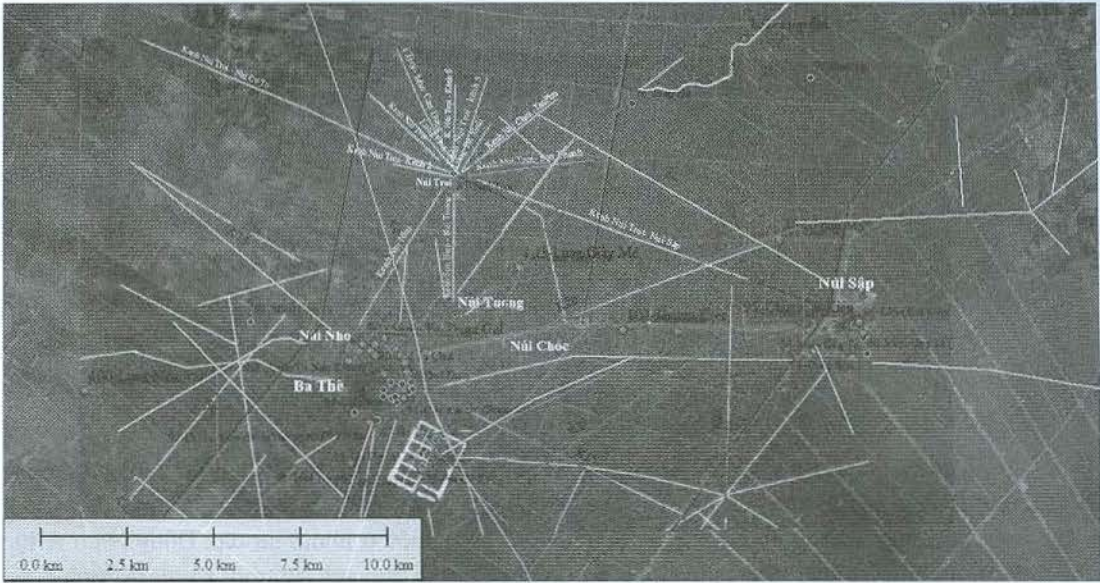
(Nguồn: Nhóm tác giả)

Kết quả giải đoán ảnh máy bay Pháp chụp năm 1953, bản đồ UTM của Mỹ năm 1965 tỷ lệ 1/50.000, các ảnh vệ tinh Landsat-8 độ phân giải cao và điển dã, đo địa vật lý (9/5/2019) ở khu vực này cho thấy, Núi Trọi là điểm hội tụ của khoảng 14 kênh, mà đa phần có lẽ là kênh cổ, có nhiều khả năng thuộc thời kỳ Óc Eo. Hiện nay chỉ còn thấy dấu vết của 6 kênh là: một đoạn kênh Núi Trọi - Núi Cô Tô; Lung Ông Cò; Lung Bà Xoài; kênh Phèn (nằm kế Lung Bà Xoài); kênh Phèn nối kênh Ông Đốc - Núi Chóc (trên bản đồ Google là kênh Phán Hòa) và kênh Sơn Hiệp (nối đến Núi Tượng).

Những kênh quan trọng có thể là kênh giao thông chính tụ vào (tỏa ra từ) Núi Trọi là:

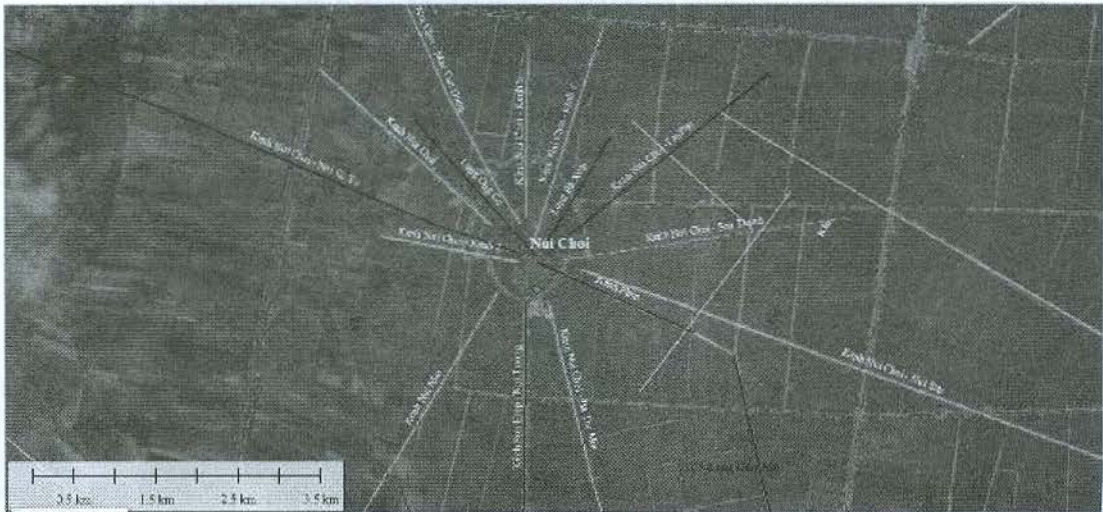
- Từ Núi Trọi đến Núi Cô Tô (Bây Núi) và Núi Trọi đến Núi Sập, 2 kênh này gần như tạo ra một đường thẳng từ Núi Cô Tô chạy qua Núi Trọi đến Núi Sập.
- Từ Núi Trọi theo hướng tây bắc về phía kênh cổ Mặc Cản Dung.
- Từ Núi Trọi cắt qua kênh số 4 chạy về Núi Nhỏ cạnh bắc Núi Ba Thê.
- Từ Núi Trọi theo hướng nam tới Núi Tượng.

Ngoài những kênh chính kết nối với các nơi, còn có những loại kênh ngắn tỏa ra, có thể dùng để thoát nước, tưới tiêu. Sáng ngày 28/5/2019, chúng tôi lên Núi Trọi khảo sát, gặp và phỏng vấn (có ghi hình) ông Lê Văn Sa (năm 1948), nhà ở chân núi và tự nguyện chăm lo dọn dẹp, hương khói cho miếu nhỏ trên đỉnh núi. Ông cho biết, khi trước những kênh nhỏ như Lung Ông Cò, Lung Bà Xoài... có chiều rộng khoảng 20m, bây giờ chỉ còn là những rạch nhỏ giữa cánh đồng lúa; dưới chân núi có mạch nước ngầm chảy ra, đầy nước quanh năm, nước ở đây bao giờ cũng cao hơn xung quanh. Thời kỳ Ngô Đình Diệm cho lập ấp chiến lược ở đây, đã cho làm bờ bao chung quanh giữ nước để không ngập cánh đồng trồng lúa. Trên đỉnh núi có hai "giếng nước" (nay đã lấp chỉ còn có một) cạnh miếu, có nước gần như quanh năm, chỉ những lúc khô hạn lắm mới cạn nước, mùa mưa nước đầy chảy xuống chân núi thành vệt. Trong những năm chiến tranh, quân đội Mỹ đặt đài quan sát trên đỉnh Núi Trọi, và đã từng bị Quân giải phóng tập kích.



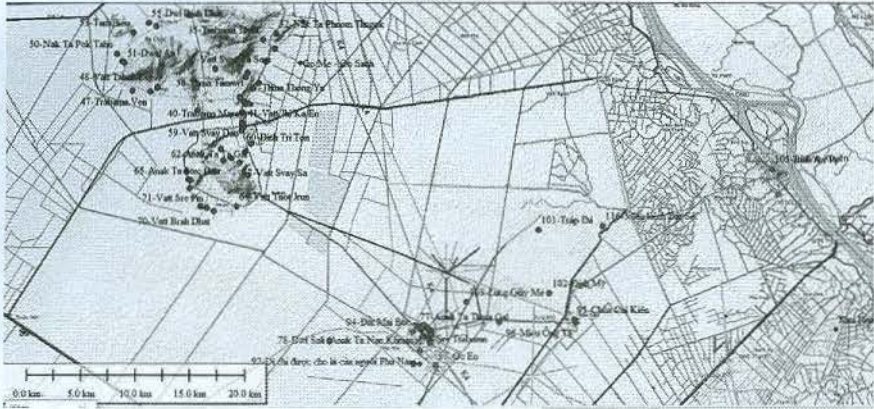
**Hình 22.** Hệ thống kênh cổ của Louis Malleret (đỏ, hồng) và hệ thống kênh mới phát hiện nghi là kênh cổ (xanh lá cây) ở khu trung tâm Tứ giác Long Xuyên - ảnh vệ tinh Landsat 2007

Núi Trọi - điểm tụ kênh hình sao dày đặc nhất Nam Bộ - rất khác biệt với các điểm tụ kênh đã được phát hiện. Đây là ngọn núi đá nhô lên giữa đồng bằng Óc Eo, cao khoảng 28 mét đón nhận các kênh tụ về, kẹp giữa hai con kênh cổ mà P. Paris và L. Malleret đánh số 4 (từ Angkor Borei qua đô thị cổ Óc Eo), số 16 (trục phân đôi đô thị cổ Óc Eo). Trong khi những điểm tụ kênh hình sao đã xác định khác, lại đều hội tụ trên đồng bằng có địa thế trũng trái; điểm tụ kênh thường là điểm giao của các kênh hay một khu cư trú cổ (Hình 22, 23, 24).



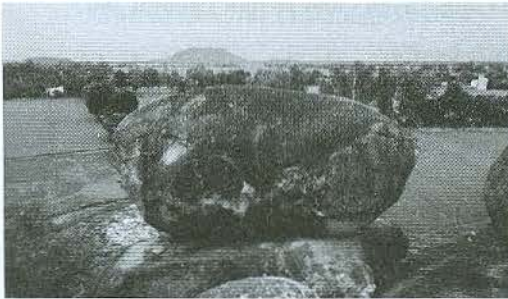
**Hình 23.** Các kênh nghi là kênh cổ tỏa ra (từ điểm tụ kênh) tại Núi Trọi - ảnh vệ tinh Landsat 2007

(Nguồn: Nhóm tác giả)



**Hình 24. Mạng lưới thủy hệ các kênh và đường nước hiện nay (xanh lam) và đồ (đỏ, xanh lá cây) xung quanh Núi Trọi**

Hình dáng Núi Trọi rất khác biệt so với các ngọn núi trong vùng. Núi có cấu trúc là các khối đá xếp chồng lên nhau tuần tự thấp cao, như hình ảnh của những đồng đá hay gò đá linh thiêng hiện thân của hình thức/tục thờ thần đá cổ xưa gặp nhiều ở nhóm cư dân Đông Nam Á lục địa. Trên đỉnh núi, có nhiều tảng đá có hình thù giống như đài hoa sen hay một số loài vật như: cá, chim, rùa... (Hình 25a, 25b).

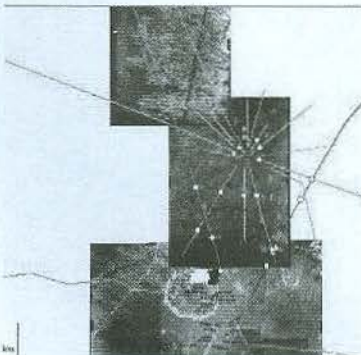


**Hình 25a. Những tảng đá hình đài hoa sen**



**Hình 25b. Tảng đá hình các con vật**

Vị trí, hình dạng đặc biệt của Núi Trọi với những kênh tỏa ra như những hình tia mặt trời làm chúng ta liên tưởng đến hình ảnh ngôi đền thờ thần Mặt trời (Surya) của cư dân cổ. Hình ảnh thần Mặt trời này có trên đồng tiền mặt trời mọc - Srivatsa nổi tiếng của đế quốc Phù Nam xưa (Hình 26a, 26b).



**Hình 26a. Điểm tụ kênh có thể nhìn thấy rõ trên ảnh máy bay Pháp (1953)**



**Hình 26b. Đồng tiền được cho là tìm thấy ở cánh đồng Ốc Eo và Đá Nổi (An Giang) vào những năm 1980**

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Núi Trọi có thể là một địa điểm tâm linh quan trọng của cư dân cổ Óc Eo. Trong Hội nghị quốc tế lần thứ 21 của Hội Tiền sử Ấn Độ - Thái Bình Dương (IPPA) họp ở Huế tháng 11 năm 2018, chúng tôi đã đưa ra nhận định này và nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu nước ngoài (Nguyễn Quang Bắc và nnk 2018: 34).

Ngày 14/7/2019, các chuyên gia Viện Khảo cổ học tiến hành khảo sát khảo cổ học khu vực cánh đồng phía tây nam, cách Núi Trọi trong phạm vi khoảng 100m. Đoàn thu lượm được một số mảnh vỡ của vò, bình, gạch vỡ mang đặc trưng gốm Óc Eo... Chắc chắn khi xưa ở đây có công trình kiến trúc hoặc khu cư trú.

Ngày 9/5/2019, chúng tôi tiến hành khảo sát sơ bộ khu vực cánh đồng xung quanh Núi Trọi và đo địa vật lý (EM) một số khu vực, kết quả bước đầu đã phát hiện một số các dị thường độ dẫn kênh trùng với một số kênh theo giải đoán ảnh viễn thám và GIS.

### 3. Thay lời kết

Năm điểm tụ kênh cổ Thốt Nốt (Cần Thơ), Mặc Cần Dung (An Giang), Đá Nồi (Kiên Giang), Đá Nồi (An Giang) và Núi Trọi (An Giang) là những điểm tụ kênh tiêu biểu ở vùng Tứ giác Long Xuyên (An Giang, Kiên Giang và Cần Thơ). Vai trò, chức năng của những điểm tụ kênh này đối với cư dân cổ khi xưa như thế nào, đến nay vẫn là những bí ẩn lịch sử. Các điểm tụ như Thốt Nốt, Mặc Cần Dung có thực sự đóng vai trò quan trọng trong tổ chức hệ thống thủy lực của cả vùng, như học giả nước ngoài nhận định, hay không? Các điểm tụ Đá Nồi (Kiên Giang), Đá Nồi (An Giang) đã có bằng chứng khảo cổ học xác nhận là những khu vực tập trung về di tích cư trú, mộ táng, công trình kiến trúc... thì tất yếu các kênh phải có vai trò giao thông liên kết với các khu vực khác; ngoài ra, chúng còn có chức năng khác như thủy lợi hay không?

Điểm tụ kênh Núi Trọi có vị trí rất quan trọng trong không gian phân bố của cư dân cổ Óc Eo. Khi điểm tụ kênh này nằm ở phía bắc đô thị cổ Óc Eo, kẹp hai bên là hai kênh cổ chính của vùng và từ đây có những kênh cổ tỏa ra như hình ảnh thần Mặt trời (Surya) khổng lồ. Hơn nữa, Núi Trọi có cấu trúc là các khối đá xếp chồng lên nhau, trên đỉnh núi có nhiều tảng đá lớn có hình thù giống như một số loài linh vật... dưới chân núi khi xưa bao quanh là một hồ nước lớn, mang dáng dấp ngọn núi Mandara của các thần (Devas) và hồ nước là Biển Sứa như trong thần thoại Ấn Độ. Đối với cư dân cổ Phù Nam khi xưa, chắc chắn Biển Sứa đã là một hình tượng thiêng liêng. Từ "Biển Sứa" được tìm thấy trên hai bi ký (K.5 - Bia Đồng Tháp Mười và K.875 - Bia Neak Ta Dambang Đê) thời kỳ Phù Nam (Lương Ninh 2006: 188-192). Từ những dữ liệu trên hướng chúng tôi đến giả thuyết rằng Núi Trọi phải chăng là một điểm tâm linh quan trọng của cư dân cổ Óc Eo?

Trịnh Hoài Đức, sử gia nổi tiếng của Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX, đã cảm nhận vẻ đẹp cảnh trí của Núi Trọi (Tà Chiêu Sơn) khi xưa trong sách *Gia Định thành thông chí*: "... Nơi đây núi non hiểm hóc, đứng giữa vũng lớn, trông như hạt ngọc từ trong hộp nhô lên; ngấm màu cây xanh lam cùng sắc nước trắng ngời, ráng chiều rọi xuống như gấm vóc chấp chới, cảnh trí có thể vẽ thành tranh" (Trịnh Hoài Đức 1820: 94).



Như vậy, cần thiết phải nghiên cứu có hệ thống về các điểm tụ kênh ở vùng Tứ giác Long Xuyên nói riêng, Nam Bộ nói chung. Cần nghiên cứu cấu tạo địa chất, xác định sự tồn tại, số lượng, kích thước (chiều dài, chiều rộng và chiều sâu), chức năng, niên đại của các kênh cổ tụ về cũng như mối quan hệ của chúng với các di tích khảo cổ nằm xung quanh trong lịch sử. Nghiên cứu này không chỉ có ý nghĩa quan trọng cho nhận thức về kỹ thuật thủy lợi, xây dựng của người xưa, mà còn về đời sống tôn giáo, văn hóa, kinh tế... và môi trường sinh sống của cư dân cổ vùng hạ lưu sông Mê Kông trong thiên niên kỷ thứ nhất Công nguyên. Đặc biệt trong hoàn cảnh hiện nay hầu hết các kênh cổ đã mất dấu vết, việc xác định chính xác lại đòi hỏi cần phải có sự kết hợp nghiên cứu đa ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Chúng ta cần nghiên cứu sớm, toàn diện về địa chất, khảo cổ khu vực Núi Trọi, để có thể quy hoạch Núi Trọi thành một khu du lịch địa chất, văn hóa tâm linh của cả vùng.

**Lời cảm ơn:** Đoàn nghiên cứu gồm: Nguyễn Quang Bắc, Nguyễn Hữu Tuấn, Nguyễn Quang Miên, Trinh Năng Chung, Nguyễn Giang Hải, Lê Ngọc Thanh, Nguyễn Quang Dũng, Nguyễn Siêu Nhân, Võ Hồng Sơn, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Hữu Giềng. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2016-2020 (mã số CNVT/16-20), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã cho phép triển khai đề tài nghiên cứu “Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ công tác nghiên cứu khảo cổ học ở miền Tây Nam Bộ (trọng điểm là văn hóa Óc Eo)” và tham gia Đề án “Nghiên cứu khu khảo cổ Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Óc Eo Nam Bộ)”.

**Chú thích:**

(1). Vũ Minh Giang - Nguyễn Việt, *Vùng đất Nam Bộ, Tập II: Từ cội nguồn đến thế kỷ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.190 cũng trích dẫn bức ảnh này với chú thích: “Các dòng kênh mương cổ vùng Long Xuyên qua không ảnh quân sự của Pháp do Groslier B.P. công bố năm 1950”.

**TÀI LIỆU DẪN**

- BOURDONNEAU ERIC 2003. The Ancient Canal System of the Delta Mekong - Preliminary Report. In A. Karlström & A. Källén (éd.). *Fishbones and Glittering Emblems. Southeast Asian Archaeology 2002*, Stockholm, Museum of Far Eastern Antiquities, p. 257-270.
- BOURDONNEAU ERIC 2009. New Research on the Ancient Hydraulic System around the Site of Oc Eo. In 19th *Indo-Pacific Prehistory Association (Ippa) Congress, as part of the session entitled Beyond the Iron Age in the Mekong Delta*, Hanoi, Vietnam, 29 November - 5 December 2009. (Tài liệu này chưa được xuất bản chính thức).
- DƯƠNG VĂN TRUYỆN, VÕ SĨ KHẢI 1984. Những di chỉ khảo cổ ở tỉnh Kiên Giang. Trong *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng Cửu Long*. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, Long Xuyên.
- LÊ XUÂN DIỆM, ĐÀO LINH CÔN, VÕ SĨ KHẢI 1995. *Văn hóa Óc Eo: Những khám phá mới*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

LƯƠNG NINH 2006. *Nước Phù Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

MALLERET LOUIS 1959a. *L'Archéologie du Delta du Mékong*, Tome Premier, *L'Exploratio Archéologique et les fouilles d'Oc-Éo*, École Française d'Extrême - Orient, Paris.

MALLERET LOUIS 1959b. *L'Archéologie du Delta du Mékong*, Tome Premier, *L'Exploration Archéologique et les fouilles d'Oc-Éo, Planches*, École Française d'Extrême-Orient, Paris.

NGUYEN QUANG BAC, LE NGOC THANH, VO HONG SON AND NGUYEN HUU TUAN 2018.

Determining the Spartial Distribution Characteristics of Some Ancient Canals in the Ba The Area, Óc Eo, Núi Sap, Dinh My and Da Noi (An Giang Prrvine). *The 21<sup>st</sup> Con gresss of the Indo-Pacific Prrehistory Asociation (IPPI), Conference Program*, Hue, 2018,

NGUYỄN QUANG BẮC, NGUYỄN HỮU TUẤN, NGUYỄN QUANG MIÊN, TRẦN NĂNG CHUNG, LÊ NGỌC THANH, NGUYỄN QUANG DŨNG, NGUYỄN SIÊU NHÂN, VÕ HỒNG SƠN, NGUYỄN THỊ HÀ, NGUYỄN HỮU GIỀNG 2019. Góp phần nhận diện đô thị cổ Óc Eo từ kết quả nghiên cứu liên ngành: viễn thám, công nghệ thông tin, địa vật lý - địa chất và khảo cổ học. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: Khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị (Tài liệu lưu hành nội bộ)*, Long Xuyên, tháng 11 năm 2019: 274 - 322.

TRỊNH HOÀI ĐỨC 1820. *Gia Định thành thông chí*. Phạm Hồng Quân dịch, chú và khảo chứng. Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh - Saigon Books, 2019: 94.

## **ABOUT INTERSECTING POINTS OF ANCIENT CANALS IN LONG XUYÊN QUADRANGLE AREA**

**NGUYỄN QUANG BẮC, NGUYỄN HỮU TUẤN**

**NGUYỄN QUANG MIÊN, TRẦN NĂNG CHUNG AND NGUYỄN QUANG DŨNG**

The five intersecting points in Thốt Nốt (Cần Thơ), Mạc Cần Dung (An Giang), Đá Nổi (Kiên Giang), Núi Trọi and Đá Nổi (An Giang) are the most typical representation of canals intersection in the Long Xuyên Quadrangle area. What their role and function for the ancient inhabitants so far have been historical mysteries. Some of these intersecting points were simply the intersections of many canals, others were the center of the settlement sites, burial sites, architectures or rocky mountains surrounded by big lakes.

It is necessary to systematically study these intersections in the Long Xuyên Quadrangle area in particular and the Southern part of Southern Việt Nam in general. This study is important for the awareness of not only irrigation techniques and construction of the ancient civilization but also the religious, cultural, economic life and the living environment of the ancient downstream inhabitants in Mekong River in the first millennium BC. In particular, we need to promptly conduct a comprehensive geological and archaeological research into the Núi Trọi area, in order to plan to turn it into a geological and cultural tourism site of the whole region.